

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 768 /GPMT-UBND

Yên Bái, ngày 16 tháng 5 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định 19/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án Trung tâm hội nghị tỉnh Yên Bái tại Báo cáo số 123/BC-HĐTĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Yên Bái tại Văn bản số 212/BQL-KHTH ngày 10 tháng 04 năm 2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án Trung tâm hội nghị tỉnh Yên Bái và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái tại Tờ trình số 174/TTr-STNMT ngày 15 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng tỉnh Yên Bái được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Trung tâm Hội nghị tỉnh Yên Bái với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Trung tâm Hội nghị tỉnh Yên Bái.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 02/10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về mức vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án nhóm B sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 12/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nhóm B; phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

1.4. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh, dịch vụ công ích.

1.5. Quy mô của dự án:

- Dự án nhóm B (theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)
- Diện tích dự án: 26.200 m², gồm khối nhà Trung tâm Hội nghị và các hạng mục phụ trợ.
- Quy mô hoạt động: Tối đa 1.050 người/01 lần tổ chức sự kiện như: hội nghị, hội thảo, các sự kiện chính trị, văn hóa quan trọng của tỉnh Yên Bái...

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này

2.3. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ đầu tư và đơn vị quản lý, vận hành dự án:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ đầu tư và đơn vị quản lý, vận hành dự án có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải (bao gồm cả quá trình vận hành thử nghiệm) bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.


2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du Lịch; Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng tỉnh Yên Bái; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận: 

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng (TH) UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm ĐHTM tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, NLN. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Phước

PHỤ LỤC 01:

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 768 /GPMT-UBND ngày 16 /5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh lớn nhất khi tổ chức các sự kiện đạt quy mô tối đa là 1.050 người khoảng 105 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅, COD), tổng Nitơ (N), tổng Phốt pho (P) và các vi sinh vật,...

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Điểm tiếp nhận nước thải sinh hoạt của dự án là rãnh thoát nước phố đi bộ Hào Gia, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái (trước khi xả ra hồ Hào Gia).

2.2. Vị trí xả nước thải: Vị trí xả nước thải sinh hoạt: Điểm xả thải: Rãnh thoát nước phố đi bộ Hào Gia, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái (trước khi xả ra hồ Hào Gia). Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104⁰45', múi chiếu 3⁰) là: X: 2402770.84; Y: 516746.11.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt lớn nhất là 105 m³/ngày đêm, tương đương 4,38 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B) (Hệ số K = 1,0). Và chảy ra rãnh thoát nước phố đi bộ Hào Gia (trước khi xả ra hồ Hào Gia).

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Chảy gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (Hệ số K = 1,0), với các thông số như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN14:2008/BTNMT (cột B) hệ số K=1,0	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	mg/l	5-9	6 tháng/lần
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	
3	TSS	mg/l	100	
4	TDS	mg/l	1.000	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Giai đoạn thi công

1.1. Nước thải sinh hoạt: Bố trí 03 nhà vệ sinh di động gồm 2 buồng vệ sinh (kích thước dài (D) x rộng (R) x cao (S) = (1,35 x 1,8 x 2,6) m được làm từ vật liệu composite; Công nghệ xử lý chất thải nhà vệ sinh di động composite là bằng men vi sinh. Nước và phân từ bàn cầu được dẫn vào hầm phân xử lý 4 ngăn. Cụ thể như sau:

Tại ngăn lắng tách phân (ngăn 1), phân và cặn được xử lý bằng vi sinh tạo thành dạng lỏng, sau đó được dẫn tiếp qua ngăn xử lý kỵ khí (ngăn 2) và xử lý hiếu khí (ngăn 3). Tiếp đó, nước dẫn tiếp qua ngăn lọc (ngăn 4) vật liệu lọc dùng than hoạt tính, đá sỏi. Thuê đơn vị có chức năng để định kỳ hút đem đi xử lý theo đúng quy định.

1.2. Nước thải thi công: Bố trí rãnh thu tạm kích thước rộng mặt x sâu = 0,6 m x 0,6 m về 01 hố lắng cát dung tích hồ 2,1 m³ (kích thước DxRxS (m) = 1,2 x 1,2 x 1,5 m) có đặt vách ngăn để thu váng dầu, tách cặn rắn lơ lửng. Sau bể lắng

hệ thống thoát nước được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy sau đó dẫn ra rãnh thoát nước chung của khu vực chảy ra hồ Hào Gia.

1.3. Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy. Nước mưa chảy tràn được thu bởi các rãnh tạm kích rộng x sâu = 0,6 m x 0,6 m dẫn về hệ thống rãnh thoát nước hiện có của khu vực sau đó thải ra ngoài môi trường.

2. Giai đoạn hoạt động

2.1. Mạng lưới thu gom và công trình, thiết bị xử nước thải

2.1.1. Nước thải sinh hoạt

- Nước rửa, tắm giặt từ các nhà vệ sinh được thu vào ống thoát nước rửa D90-110 rồi thoát ra hệ thống thu gom nước thải của tòa nhà, sau đó dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 110 m³/ngày đêm của Dự án.

- Nước thải xí, tiểu từ các nhà vệ sinh ở tất cả các tầng trong tòa nhà được thu về các ống D110-140 đặt trong các hộp kỹ thuật dẫn về 04 bể tự hoại 03 ngăn, cụ thể:

+ Bể tự hoại 1: Dung tích 4 m³, kích thước DxRxS = 2,1 m x 1,5 m x 1,5 m (Hnước = 1,3 m).

+ Bể tự hoại 2: Dung tích 8 m³, kích thước DxRxS = 3,1 m x 2 m x 1,5 m (Hnước = 1,3 m).

+ Bể tự hoại 3: Dung tích 10 m³, kích thước DxRxS = 3,8 m x 2 m x 1,5 m (Hnước = 1,3 m).

+ Bể tự hoại 4: Dung tích 12 m³, kích thước DxRxS = 4 m x 2 m x 1,7 m (Hnước = 1,5 m).

Nước thải sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn được thoát ra hệ thống thu gom nước thải của tòa nhà bằng các đường ống D140 (sau mỗi bể tự hoại bố trí 01 hố ga), sau đó dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án.

- Nước thải từ khu vực bếp, nhà ăn được dẫn về bể tách mỡ (dung tích 18 m³, kích thước DxRxS = 4 m x 3 m x 1,7 m; Hnước = 1,5 m), nước thải sau khi được xử lý tách mỡ được thoát ra hệ thống thu gom nước thải của tòa nhà bằng đường ống D140, sau đó dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án.

- Hệ thống thu gom nước thải của tòa nhà là hệ thống đường ống ngầm D315 được bố trí xung quanh, bên ngoài tòa nhà, để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt của tòa nhà về Trạm xử lý nước thải tập trung. Trong đó, bố trí hệ thống hố ga với khoảng cách từ 15 - 33,5 m/hố ga (tổng 13 hố ga).

2.1.2. Nước mưa chảy tràn: Nước mưa mái được thu gom qua các phễu thu kết nối với ống thoát nước D100 rồi dẫn xuống các hố thu nước mưa rồi chảy vào hệ thống thoát nước mưa của tòa nhà. Bố trí hệ thống đường ống (gồm các loại D200, D300, D400 và D600) và rãnh thu gom, thoát nước mưa (B300, B400) xung quanh, phía ngoài tòa nhà với tổng chiều dài rãnh thu gom là: 803m (Trong đó: B300: 75 m, B400 728 m). Dọc hệ thống rãnh thu gom, thoát nước mưa bố trí 51 hố

gas thu nước mưa trực tiếp (có nắp đậy), kích thước hố ga: $D \times R \times S = 80 \times 80 \times 80$ cm.

2.2. Quy trình công nghệ xử lý

2.2.1. Nước thải sinh hoạt

Trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án sử dụng công nghệ xử lý AO được trang bị hệ thống giá thể sinh học MBBR với công suất 110 m³/ngày đêm có thông số kỹ thuật cụ thể như sau:

- + Bể thu gom kích thước $D \times R \times S = 0,8 \times 1,25 \times 3,2$ (m).
- + Bể điều hòa kích thước $D \times R \times S = 4,4 \times 3,8 \times 3,7$ (m).
- + Bể thiếu khí kích thước $D \times R \times S = 3,5 \times 1,6 \times 3,7$ (m).
- + Bể hiếu khí kích thước $D \times R \times S = 4 \times 3,45 \times 3,7$ (m).
- + Bể lắng bùn kích thước $D \times R \times S = 2,5 \times 2,3 \times 3,2$ (m).
- + Bể khử trùng kích thước $D \times R \times S = 0,9 \times 0,8 \times 3,7$ (m).
- + Bể chứa bùn kích thước $D \times R \times S = 1,0 \times 3,65 \times 3,7$ (m).

Thiết bị phụ trợ: Bơm định lượng, Máy thổi khí, bồn pha hóa chất khử trùng, động cơ khuấy trộn hóa chất, Quạt hút mùi.

- Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý gồm các bể: bể điều hòa -> bể thiếu khí -> bể hiếu khí (Giá thể MBBR thả vào bể hiếu khí) -> bể lắng và cuối cùng là bể khử trùng có sử dụng Javen trước khi thải ra ngoài môi trường. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được bơm về bể chứa bùn sau đó thuê đơn vị có năng lực để xử lý. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (hệ số K=1).

- Hóa chất sử dụng: Javen.

- Vật liệu sử dụng: Giá thể MBBR, mật rỉ đường.

2.2.2 Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn được thu gom vào các hệ thống rãnh thoát nước và lắng qua các hố ga trước khi thải ra môi trường như đã nêu tại điểm 2.1.2 mục 2.1 Phần này.

II. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM

1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm là 03 tháng kể từ khi dự án đã hoàn thành xây dựng các công trình xử lý chất thải theo giấy phép môi trường được cấp. Trường hợp trong 03 tháng đầu không có sự kiện làm phát sinh lượng nước thải đạt công suất của hệ thống xử lý nước thải thì sẽ kéo dài thêm thời gian vận hành thử nghiệm đến khi phát sinh đủ lượng nước thải đạt công suất để đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải.

2. Công trình xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.1. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải sinh hoạt tại cửa xả sau công trình xử lý nước thải sinh hoạt.

2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN14:2008/BTNMT (cột B) hệ số K=1,0	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	mg/l	5-9	6 tháng/lần
2	BOD ₅	mg/l	50	6 tháng/lần
3	TSS	mg/l	100	6 tháng/lần
4	TDS	mg/l	1.000	6 tháng/lần
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	6 tháng/lần
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	6 tháng/lần
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	50	6 tháng/lần
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	6 tháng/lần
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	6 tháng/lần
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	6 tháng/lần
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000	6 tháng/lần

2.3. Tần suất lấy mẫu: Lấy 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp.

III. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Trong giai đoạn thi công xây dựng: Xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải để thu gom, xử lý tất cả các loại nước thải của dự án, nước mưa chảy tràn và nước thải sinh hoạt đảm bảo các quy định hiện hành trước khi chảy ra khỏi khu vực thực hiện dự án.

2. Trong giai đoạn hoạt động

- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, đảm bảo QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.

- Xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

- Thực hiện quan trắc định kỳ chất lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở với tần suất 06 tháng/01 lần theo quy định.

PHỤ LỤC 02:
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 768 /GPMT-UBND ngày 16/5/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. Các nguồn phát sinh và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

1. Giai đoạn thi công

1.1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải: Do hoạt động phá dỡ các hạng mục công trình, hoạt động đào đắp, san lấp nền (các phương tiện phá dỡ, vận chuyển, đào đắp) và thi công xây dựng sử dụng nhiên liệu phát sinh khí thải như SO₂, NO_x, CO, VOC,...

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

- Giảm thiểu ô nhiễm bụi:

+ Quây xung quanh theo ranh giới thực hiện dự án bằng tường bao, hàng rào bằng tôn (chiều cao 03 m).

+ Giảm lượng bụi trong thi công: áp dụng các biện pháp giảm lượng bụi đến mức thấp nhất như tưới ẩm, làm dứt điểm từng hạng mục; thực hiện tốt việc quản lý công tác xây dựng và giám sát công trường.

+ Các xe chở vật liệu cũng như chất thải đảm bảo chở đúng tải trọng quy định; các phương tiện được kiểm tra định kỳ về nồng độ chất thải mới được phép lưu thông và vận hành trong công trường. Trong quá trình chở vật liệu được phủ bạt kín khít, thùng xe không coi nói, để không làm rơi vãi vật liệu ra đường giao thông, phát tán bụi ra môi trường, ảnh hưởng đến sinh hoạt của nhân dân.

+ Không bố trí thời gian vận chuyển vào giờ cao điểm; hạn chế hoạt động thi công công trình trước 6 giờ sáng, 12 giờ đến 13 giờ và sau 18 giờ chiều.

+ Bố trí cầu rửa xe ở các vị trí có xe, phương tiện thi công ra vào công trường. Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phương tiện thi công khi ra khỏi công trường phải được rửa sạch đảm bảo mỹ quan và không gây bụi, bẩn đường phố.

+ Xây dựng lán trại, khu tập kết vật tư, chất dễ cháy nổ một cách hợp lý.

+ Không thải dầu mỡ, hóa chất trong quá trình bảo dưỡng, vệ sinh phương tiện thi công trong công trường.

+ Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động (khẩu trang, kính, mũ...) cho công nhân làm việc tại các vị trí như: cắt sắt, hàn xì, lắp dựng cột thép và mái che.

+ Tưới nước trên tuyến đường dân sinh khu vực khu vực để hạn chế bụi.

+ Bố trí đội vệ sinh trên công trường có nhiệm vụ thường xuyên quét dọn mặt bằng công trường.

- Giảm thiểu ô nhiễm khí thải:

+ Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới đưa vào sử dụng đạt tiêu chuẩn về khí thải đảm bảo môi trường, an toàn kỹ thuật về mức độ an toàn theo quy định của Cục Đăng kiểm.

+ Tiến hành kiểm tra thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ các phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị xây dựng hoạt động trên công trường.

+ Điều tiết số lượng xe phù hợp với thời gian và tiến độ công việc để tránh làm gia tăng mật độ xe hoạt động trên công trường.

1.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Yêu cầu nồng độ bụi, khí thải khu vực dự án đạt QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

2. Giai đoạn hoạt động

2.1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải: Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải của cán bộ, công chức, người lao động của đơn vị,... Thành phần chủ yếu là bụi, CO, SO₂, NO_x, VOC,...

2.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

- Mặt đường giao thông nội bộ trong khuôn viên dự án được thiết kế rộng thoáng không gây ùn tắc giao thông và dễ dàng phát tán các chất ô nhiễm đảm bảo pha loãng giảm thiểu nồng độ trong không khí.

- Mặt đường được kiên cố hóa để giảm thiểu bụi, kết hợp trồng cỏ tại các cụm, điểm đường giao thông và trồng cây xanh trong khu vực dự án.

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện nghiêm các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo QCVN 02:2019/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc chp phép bụi tại nơi làm việc; Quyết định số 3733:2002/BYT- Quyết định của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

PHỤ LỤC 03:
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 762/GPMT-UBND ngày 16/5/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

I. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

1. Giai đoạn thi công: Tiếng ồn phát sinh do hoạt động đào, đắp, san lấp mặt bằng và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

2. Giai đoạn hoạt động: Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện ra vào dự án, máy móc thiết bị trong các hoạt động của dự án, do tập trung đông người.

II. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1. Giai đoạn thi công

- Xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, hạn chế hoạt động đồng thời các máy móc, thiết bị xây dựng.

- Tính toán, chọn vị trí đặt thiết bị gây ồn phù hợp sao cho giá trị mức ồn không cộng hưởng. Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy đến mức thấp nhất.

- Tất cả các phương tiện và máy móc phải được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng. Bảo trì máy móc thiết bị và phương tiện định kỳ 03 tháng/lần trong thời gian thi công.

- Công nhân thi công tại công trường sẽ được trang bị loại bảo hộ lao động.

2. Giai đoạn hoạt động

- Có các biển báo hạn chế tốc độ đối với các phương tiện ra vào Dự án, không sử dụng còi xe cơ giới từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau.

- Cây xanh được trồng tại khu vực Dự án sẽ vừa giúp tạo cảnh quan, điều hòa không khí khu vực Dự án vừa góp phần hạn chế tiếng ồn.

- Lập nội quy ra/vào khu vực, hạn chế sự lưu thông của các phương tiện vận tải có tải trọng lớn.

- Bố trí các biển cảnh báo, hướng dẫn để người ra, vào khu vực dự án hạn chế bóp còi.

- Có kế hoạch kiểm soát và bảo dưỡng máy móc định kỳ để đảm bảo năng lực tốt trong suốt quá trình vận hành.

PHỤ LỤC 04:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **768/GPMT-UBND** ngày **16/5/2023**
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

I. CHỦNG LOẠI, KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI PHÁT SINH

1. Giai đoạn thi công

- Lượng rác thải sinh hoạt do cán bộ công nhân xây dựng thải ra trong là: 27,0 kg/ngày. Thành phần rác thải sinh hoạt chủ yếu là rau, thực phẩm thừa, chất hữu cơ dễ phân hủy, bao bì,...

- Lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường: phát sinh từ quá trình phá dỡ các hạng mục công trình trung bình khoảng 31.876,41 tấn gạch vỡ, bê tông thải, phế thải xây dựng; chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công do nguyên vật liệu rơi vãi, phế thải, vỏ bao xi măng, cốt thép, mảnh gỗ vụn, gạch vỡ... trung bình khoảng 34,359 tấn cho toàn thời gian thi công tương đương 0,057 tấn/ngày.

- Chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh trên công trường chủ yếu là: gang tay, vỏ chai đựng dầu nhớt, bóng đèn huỳnh quang,... Khối lượng chất thải nguy hại cho cả giai đoạn là: $0.675 \times 600 = 405$ kg.

2. Giai đoạn hoạt động

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là bóng đèn cháy, hỏng, các thiết bị, linh kiện điện tử thải, pin hỏng, các bình ga tách ra từ điều hòa, tủ lạnh... với khối lượng trung bình khoảng 450 kg/năm, cụ thể như sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang cháy, hỏng	rắn	15	16 01 06
2	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc thiết bị điện tử...	rắn	300	16 01 13
3	Pin	rắn	5	19 06 05

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
4	Các chất CFC, HCFC, HFC thải (<i>bình ga tách ra từ điều hòa, tủ lạnh</i>)	rắn	50	17 08 01
5	Các bình chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoàn toàn (<i>bình PCCC cũ</i>)	rắn	80	19 05 01

Các chất thải nguy hại này có chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm và gây ngộ độc. Nếu không được quản lý chặt chẽ, không đảm bảo an toàn trong thu gom, lưu trữ, vận chuyển, xử lý thì sẽ gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến môi trường sống và sức khỏe cộng đồng.

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường: bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung trung bình khoảng 124 kg/năm.

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh chủ yếu là thức ăn, rau, củ quả thừa, túi ni lông, hộp xốp, chai nhựa, giấy carton,... với khối lượng phát sinh trung bình là 45 kg/ngày do hoạt động hàng ngày của cán bộ, nhân viên tại Trung tâm. Khối lượng phát sinh lớn nhất khoảng 945 kg/ngày trong trường hợp tổ chức sự kiện hoạt động tối đa công suất của dự án là 1.050 người.

II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI VIỆC LƯU GIỮ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CHẤT THẢI NGUY HẠI

1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

1.1. Giai đoạn thi công

Tại khu vực công trường lắp đặt 01 khu lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích khoảng 12 m², có biên cảnh báo kho chứa chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường; các chất thải nguy hại của công trường được lưu giữ tại khu lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại, được phân loại và đựng trong thùng phuy chứa có nắp đậy kín, định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

1.2. Giai đoạn hoạt động

Bố trí 01 khu vực lưu giữ tạm thời CTNH tại gầm cầu thang bộ trong khu vực các phòng chức năng để làm kho lưu giữ tạm thời CTNH. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: diện tích 6 m² tường bao xung quanh, nền bê tông chống thấm,... Bố trí 03-05 thùng dung tích 100 lít, có nắp đậy kín để thu gom và lưu chứa chất thải nguy hại. Chủ dự án có trách nhiệm thuê đơn vị có đủ năng lực để vận chuyển xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.1. Giai đoạn thi công

- Đối với lượng đất đá thải phát sinh: Đổ thải bãi thải tại thôn Đoàn Kết, xã Bảo Hưng, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái, trữ lượng 400.000 m³. Tọa độ trung tâm bãi thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104^o 45' múi chiều 3^o) X = 2.398.237,79, Y = 513.753,23

- Đối với lượng chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công: được phân loại thành chất thải rắn tái chế được và chất thải rắn không tái chế được. Đối với các chất thải tái chế được như: bìa carton, sắt vụn, vỏ bao xi măng,... được thu gom và bán lại cho các đơn vị thu mua phế liệu. Chất thải không tái chế được như gạch vỡ, vữa xi măng hỏng được thu gom và vận chuyển đổ thải tại bãi thải.

- Đối với lượng sinh khối phát sinh từ quá trình dọn thực bì: Tiến hành thu gom sinh khối trên khu vực dự án; phần gỗ, củi thì bán hoặc cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu; phần còn lại chủ yếu là cành vụn, lá cây thuê đơn vị có đủ năng lực để vận chuyển, xử lý.

2.2. Giai đoạn hoạt động: Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung định kỳ thuê đơn vị có năng lực để vận chuyển, xử lý.

3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

3.1. Giai đoạn thi công

Trên công trường bố trí 03 thùng rác loại 120 lít/ thùng tại công trường thu gom, phân loại rác. Thu gom tập trung phân loại rác tái chế và rác không có khả năng tái chế. Rác không có khả năng tái chế sẽ chuyển đến điểm tập kết chung của dự án, định kỳ 1 lần/ngày thuê đơn vị thu gom xử lý rác thải sinh hoạt để vận chuyển đi xử lý.

3.2. Giai đoạn hoạt động: Bố trí các xô sọt thu gom rác thải có dung tích 5, 10, 12-15 lít tại các phòng chức năng; bố trí các thùng chứa rác thải dung tích 120 lít hoặc 240 lít dọc theo tuyến đường giao thông nội bộ để thu gom, tập kết rác thải từ các khu nhà. Điểm tập kết rác thải bố trí tại khu vực gần cổng phụ phía phố đi bộ Hào Gia, tại đây bố trí 2-3 xe rác đẩy tay. Định kỳ hằng ngày, rác thải được vận chuyển ra điểm tập kết rồi được Công ty Cổ phần Môi trường và Năng lượng Nam Thành Yên Bái thu gom, vận chuyển về Nhà máy xử lý rác thải xã Văn Phú để xử lý

B. PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

I. GIAI ĐOẠN THI CÔNG

1. Sự cố thiên tai

- Không thi công ngoài trời vào những ngày mưa giông, gió bão.
- Dọn dẹp công trường sạch sẽ sau mỗi ngày thi công và trước các thời điểm xảy ra mưa bão.

- Bố trí lực lượng ứng trực phòng chống thiên tai lũ lụt trên công trường thi công để giám sát, kịp thời phát hiện các thiệt hại, rủi ro, sự cố do mưa bão gây ra, tìm hướng khắc phục.

- Bố trí máy bơm trên công trường để bơm hút nước trong trường hợp mưa

lớn làm ngập hố móng, không để xảy ra tình trạng ngập úng hố móng tạo thành các hố nước sâu trong công trường.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống đường thoát nước mặt của dự án.

2. Sự cố tai nạn lao động

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành.

- Trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang, mũ bảo hiểm, dây thắt an toàn...

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi tổ chức thi công, bố trí hợp lý các thiết bị, máy móc thi công để ngăn ngừa tai nạn.

- Có rào chắn, các biển báo nguy hiểm tại những nơi có khả năng rơi, ngã hoặc điện giật.

- Tạo hàng rào ngăn cách để tách biệt các khu vực nguy hiểm như: Trạm điện, các loại vật liệu dễ cháy, dễ nổ.

- Kiểm tra các thông số kỹ thuật và điều kiện an toàn của thiết bị trước khi đưa thiết bị vào hoạt động.

- Trang bị các loại thiết bị y tế sơ cứu tại công trường, hướng dẫn sơ cứu khi có sự cố tai nạn lao động xảy ra.

3. Sự cố tai nạn giao thông

- Tránh vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm để giảm thiểu tối đa nguy cơ tai nạn giao thông.

- Tuân thủ luật giao thông đường bộ, kiểm soát tốc độ vận chuyển của các xe máy móc trên công trường.

4. Sự cố rò rỉ dầu

- Các phuy chứa dầu, các phương tiện vận chuyển được kiểm tra an toàn theo quy định về vận chuyển và lưu chứa xăng dầu.

- Đối với dầu mỡ thải từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc được thu gom triệt để và xử lý theo đúng quy định của pháp luật về BVMT.

5. Sự cố cháy nổ

- Công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ.

- Đầu tư các thiết bị phòng, chống cháy nổ tại các khu vực kho chứa nguyên vật liệu, nhiên liệu tại công trường.

- Phải bố trí các phương tiện chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy cầm tay, xô, chậu để mức nước, cát, hệ thống ống phun nước,....

- Đối với các thiết bị điện trên công trường: Bọc kín các điểm tiếp nối điện bằng vật liệu cách điện; kiểm tra công suất thiết bị phù hợp với khả năng chịu tải của nguồn.

II. GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG

1. Sự cố cháy nổ: Thực hiện đúng các quy định về phòng cháy, chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan chức năng.

2. Sự cố đối với công trình xử lý nước thải

- Thực hiện vận hành công trình đảm bảo đúng quy trình.
- Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng để công trình hoạt động ổn định.
- Chuẩn bị sẵn sàng vật tư để phục vụ công tác sửa chữa, khắc phục khi có sự cố.
- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường, nếu xảy ra sự cố sẽ lập tức khóa van xả, nhanh chóng tiến hành sửa chữa. Hệ thống tạm thời dừng hoạt động để khắc phục sự cố. Khi khắc phục sự cố, vận hành thử lại nếu ổn định tiếp tục hoạt động.

PHỤ LỤC 05:

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 768/GPMT-UBND ngày 16/5/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

Chủ dự án, đơn vị nhận bàn giao công trình và vận hành dự án có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường được phê duyệt và các nội dung tại Giấy phép này; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt lưu ý tuân thủ các yêu cầu cụ thể sau:

1. Thiết kế xây dựng của Dự án, bao gồm các công trình bảo vệ môi trường phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai dự án.

2. Tổ chức thi công xây dựng theo đúng tọa độ, ranh giới, diện tích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

3. Xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải để thu gom, xử lý tất cả các loại nước thải của dự án, nước mưa chảy tràn và nước thải sinh hoạt đảm bảo các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành trước khi chảy ra khỏi khu vực thực hiện dự án.

4. Thực hiện quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện dự án (*chất thải rắn, chất thải nguy hại, ...*) đảm bảo theo quy định.

5. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Lập và thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án đến Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

7. Thực hiện nghiêm Chương trình quản lý, giám sát, quan trắc môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát môi trường và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đề xuất.

8. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với dự án.

9. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu./.